TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 64/2019/HNGĐ- ST Ngày: 29-5-2019 V/v Ly hôn và nuôi con chung	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Viết Thống và ông Mai Xuân Đừng.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 973/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về ly hôn và nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 66/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 54/2019/QĐHPT ngày 08/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoàng O, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Phan Văn K, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O trình bày có nội dung:

Bà và ông Phan Văn K tự nguyện lấy nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh ngày 16/4/1999.

Trong thời gian chung sống đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ông K thường xuyên uống rượu, chửi bới vợ con, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mặc dù đã cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân vì con cái nhưng đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên bà O có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Phan Văn K.

Về con chung: Bà và ông K có 02 con chung là cháu Phan Thị Minh T, sinh ngày 23/3/2000, cháu Phan Lê Anh Kh, sinh ngày 25/8/2010. Bà O có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Khoa đến tuổi thành niên, cháu Thúy đã thành niên nên ở với ai là quyền của cháu.

Hiện nay bà O làm nông, có thu nhập và nơi ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, còn ông K làm thợ xây nên bà O yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Kh với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đương sự có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Phan Văn K cư trú tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông Phan Văn K vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoàng O là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Lê Thị Hoàng O xin ly hôn ông Phan Văn K. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà O và ông K tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh ngày 16/4/1999 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; theo bà O trình bày quá trình duy trì hôn nhân đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ông K thường xuyên uống rượu, chửi bới vợ con, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn vẫn không khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn ông K;

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân là do ông K rượu chè, gây gổ với vợ con, không tu chí làm ăn.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà O, ông K đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp

nhận yêu cầu xin ly hôn ông Phan Văn K của bà Lê Thị Hoàng O là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: Ông K, bà O có có 02 con chung là cháu Phan Thị Minh T, sinh ngày 23/3/2000, cháu Phan Lê Anh Kh, sinh ngày 25/8/2010; Hội đồng xét xử xét thấy: cháu Phan Thị Minh T đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết;

Hiện nay cháu Phan Lê Anh Khoa đang do bà O trực tiếp nuôi dưỡng bà O có nhà ở, có công việc, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung, con chung cũng có nguyện vọng xin được ở với bà O nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của cháu cần giao con chung là Phan Lê Anh Kh, sinh ngày 25/8/2010 cho bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ông K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung:Bà Lê Thị Hoàng O yêu cầu ông Phan Văn K cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phan Lê Anh Kh với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Kh trưởng thành đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy việc và O yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung như trên là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và 118 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà O không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên xử:</u>

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoàng O.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hoàng O được ly hôn ông Phan Văn K.

-Về nuôi con chung: Giao con chung Phan Lê Anh Kh, sinh ngày 25/8/2010 cho bà Lê Thị Hoàng O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Phan Văn K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phan Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phan Lê Anh Kh sinh ngày 25/8/2010 cùng bà Lê Thị Hoàng O theo mức 1.000.000đ/ tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng bắt đầu từ tháng 6/ 2019 cho đến khi cháu Kh trưởng thành đủ 18 tuổi.

-Về tài sản chung: Bà Lê Thị Hoàng O không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Hoàng O phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí bà O đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008532 ngày 23/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, Đắk Lắk.

Ông Phan Văn K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.B;
- UBND phường T;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt